

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Lem

2. Ông Trương Văn Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp 5A, thị trấn T, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* anh **Lê Hữu N**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: ấp An Thuận, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Như T, anh N vắng mặt (chị Như T có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 22/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như T trình bày:*

Chị và anh Lê Hữu N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/12/2012. Chị và anh N cùng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị Như T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung là Lê Nguyễn Ánh Nhi, sinh ngày 23/9/2013, hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly

hôn, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Như T khai chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Như T thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như T. Chị Nguyễn Thị Như T được ly hôn với anh Lê Hữu N.

Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Ánh Nhi, sinh ngày 23/9/2013 cho chị Như T được tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị Như T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Hữu N được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Như T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị Nguyễn Thị Như T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Lê Hữu N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Như T và anh N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* chị Như T và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/12/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị Như T cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Chị Như T xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa nên chị Như T có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh N vẫn vắng mặt. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh N không tham gia hòa giải, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của anh và chị Như T. Mặt khác, hiện tại chị Như T và anh N đã sống ly thân với nhau, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ.

Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Như T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của chị Như T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* chị Như T và anh N có 01 con chung là: Lê Nguyễn Ánh Nhi, sinh ngày 23/9/2013. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Như T và anh N sống ly thân cho đến nay, chị Như T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Như T vẫn đảm bảo tốt quyền và lợi ích của con. Đồng thời, cháu Nhi đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến và cháu Nhi cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của cháu Nhi nên cần giao cháu Nhi cho chị Như T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

*Về việc cấp dưỡng nuôi con:* theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, chị Như T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Như T, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Như T khai chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

[3] *Về án phí:* chị Như T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như T. Chị Nguyễn Thị Như T được ly hôn với anh Lê Hữu N.

2. *Về con chung*: ghi nhận chị Nguyễn Thị Như T và anh Lê Hữu N có 01 con chung là Lê Nguyễn Ánh Nhi, sinh ngày 23/9/2013.

Giao con chung là cháu Ánh Nhi cho chị Như T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ánh Nhi đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị Như T không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: ghi nhận việc chị Như T khai chi và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Như T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009036 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; chị Như T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thanh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lê Thị Hồng Đang**